

TÓM TẮT CUỘC HỌP DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT KHOÁNG SẢN VỚI ỦY BAN KINH TẾ CỦA QUỐC HỘI

Thời gian: 9:00 ~ 11:30, Thứ Ba, 06/04/2010

Địa điểm: Văn phòng Quốc hội, số 37 Hùng Vương, quận Ba đình, TP Hà nội

Thành phần: Xem Phụ lục 1 – Danh sách đại biểu

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

- Khai mạc, Giới thiệu sơ lược về dự thảo Luật khoáng sản sửa đổi
- Ý kiến đóng góp của nhóm Công tác Khoáng sản và các doanh nghiệp
- Phần trả lời và kết luận

I. PHẦN MỞ ĐẦU

Ông Lê Quốc Dung, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội

- Đánh giá cao sự có mặt của các đại diện các doanh nghiệp đã và đang hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản tại Việt Nam. Hy vọng nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích cho dự thảo Luật từ thực tế hoạt động của các doanh nghiệp khai thác tại Việt Nam.
- **Thành phần tham dự cuộc họp từ phía Quốc hội và Chính phủ:** đại diện thường trực của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, lãnh đạo và chuyên viên Vụ Kinh tế - Văn phòng Quốc hội, Đại diện của Ban Soạn thảo Luật Khoáng sản của Chính phủ.
- **Lịch trình thông qua của dự thảo Luật khoáng sản**
- Dự thảo Luật Khoáng sản dự kiến được trình Quốc hội làm 2 kỳ: kỳ 1 vào tháng 5, 2010 để xin ý kiến của các đại biểu quốc hội; kỳ 2 vào tháng 10, 2010 để giải trình và tiếp thu ý kiến của các đại biểu QH, trên cơ sở đó sẽ thông qua Luật.
- **Lý do sửa đổi Luật khoáng sản**
- Luật Khoáng sản 1996 đã ban hành được 13 năm và sửa đổi lần đầu vào 2005. Kỳ này sẽ tiến hành sửa đổi về cơ bản các vấn đề chưa phù hợp và đáp ứng các thay đổi trong tình hình mới. Các ý kiến liên quan đến các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong ngành khoáng sản sẽ được tiếp thu và sửa đổi trong Luật.

II. Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

Ông Rob Guest đại diện cho Nhóm Công tác Khoáng sản

- Về **hiện trạng ngành** Nhóm Công tác Khoáng sản (CTKS):

- Các thành viên nhóm CTKS chủ yếu là các công ty tư nhân ~~Khu vực tư nhân~~ tập trung vào ‘khai thác khoáng sản kim loại’, chủ yếu là vàng/bạc, kim loại cơ bản (đồng, ni-ken, kẽm, mô-líp-đen, cô-ban, crôm v.v)
- Các công ty trong nhóm chủ yếu sử dụng ~~Công nghệ~~ Công nghệ thăm dò, khai thác ~~ở Việt Nam chủ yếu đến~~ từ các nước phương Tây có lịch sử ngành khai thác lâu đời (Canada, Australia, Mỹ, New Zealand, Châu Âu)
- Việt Nam được coi là quốc gia đang trong giai đoạn ‘thăm dò ban đầu’
- **Vốn đầu tư trong khu vực khai thác kim loại ở Việt Nam**
 - Sau khi Chính phủ nâng các mức thuế và ban hành các thay đổi trong chính sách quản lý khoáng sản, vốn FDI trong ngành khai thác đã sụt giảm mạnh từ 98 triệu USD năm 2008 xuống 29 triệu USD năm 2009.
- **Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản**
 - Hoan nghênh dự thảo Luật đã tập trung thẩm quyền quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản về một cơ quan đầu mối là ~~tại~~ Bộ Tài nguyên và Môi trường (“BTNMT”). Tuy nhiên vẫn còn nhiều điểm chông chéo với thẩm quyền các tỉnh cần được xác định rõ.
 - Việc xây dựng Quy hoạch Khoáng sản còn cứng nhắc và thiếu linh hoạt sẽ hạn chế rất nhiều khả năng phát hiện các mỏ mới.
 - Các định nghĩa nêu ra trong dự thảo còn quá ít, cần có thêm các định nghĩa để xác định rõ (tài nguyên, trữ lượng, nghiên cứu khả thi, chứng nhận đầu tư v.v.).
 - Chính phủ nên đưa ra các định nghĩa tại các quy định, văn bản pháp luật như thông tư, nghị định...
- **Về thăm dò khoáng sản**
 - Khái niệm điều tra cơ bản địa chất chưa được giải thích đầy đủ
 - Diện ~~tiếp-tích~~ thăm dò giới hạn quá nhỏ và không thực tế
 - Quá chi tiết và cứng nhắc trong các chương trình công tác – các nội dung quá tải và nhiều hạn chế trong quá trình thực hiện
 - Cơ sở xác định giá của các kế hoạch thăm dò, công trình thăm dò đã lỗi thời
 - Thời gian thăm dò tối đa 4 năm và gia hạn 2 năm là quá ngắn, cần được điều chỉnh lại trong Luật mới cho phù hợp.
- **Đấu thầu quyền thăm dò và khai thác khoáng sản**
 - Cơ sở dữ liệu khoáng sản không dễ xác định như trong khai thác dầu mỏ –vì vậy đấu thầu đây không phải là mô hình thích hợp chung cho khai thác khoáng sản.

- Quy trình đấu thầu có quá nhiều điểm chưa rõ ràng – khó thu hút được mối quan tâm của cộng đồng khai thác mỏ quốc tế. Ngoài ra cần xác định rõ cơ quan đầu ngành, trình độ năng lực của cơ quan đầu ngành, các tiêu chí đánh giá và vai trò của các tỉnh trong quá trình đấu thầu.
 - Việc đấu thầu chỉ phù hợp với các dự án lớn, có tầm quốc tế với các cơ sở dữ liệu lớn đầy đủ, được quốc tế công nhận.
- **Nghiên cứu khả thi, xây dựng mỏ & khai thác**
 - Dự thảo Luật không nêu rõ thời điểm thực hiện nghiên cứu khả thi.
 - Phân loại trữ lượng công nghiệp không phù hợp với thông lệ tại các nước có ngành khai thác thành công.
 - **Giai đoạn khai thác (Vận hành & sản xuất)**
 - Dự thảo Luật đưa ra các giới hạn về diện tích mà không tính đến khả năng mở rộng/tăng trưởng về quy mô mỏ.
 - Các biện pháp đưa ra còn cứng nhắc, thiếu linh hoạt khi phản hồi trước các thực tiễn khai thác (các thay đổi về địa chất, điều kiện kinh tế...).
 - **Các chính sách & quy hoạch tổng thể về khoáng sản**
 - Các quy hoạch tổng thể (các chính sách khoáng sản) do Bộ Công Thương soạn thảo nhưng do Bộ TNMT thực hiện. Các khung thời gian thiếu thực tế cho phát triển và chế biến sâu.
 - Việc áp dụng các lệnh cấm và hạn chế xuất khẩu & các mức thuế cao có tác động rất tiêu cực đến các doanh nghiệp khoáng sản cũng như dòng đầu tư nước ngoài vào ngành.
 - **Sự ổn định của chính sách/môi trường pháp lý**
 - Chính phủ cần đảm bảo sự ổn định về các chính sách và môi trường pháp lý cho ngành. Hiện tại các mỏ đang hoạt động không được bảo vệ trước những thay đổi này, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản.
 - **Giải quyết tranh chấp & Bồi thường**
 - Hiện tại chưa có cơ chế giải quyết tranh chấp và bồi thường cho các mỏ đang hoạt động.
 - Không thừa nhận quyền được bồi thường của nhà đầu tư trong các trường hợp bị mất các quyền hoặc mất nguồn thu nhập.
 - **Môi trường Cơ chế tài chính**
 - Các loại thuế đã được nâng lên các mức cao. Thuế TNDN giảm xuống 25% cho các ngành khác nhưng không áp dụng cho ngành khai thác các kim loại quý và hiếm.

- Khai thác là ngành dài hạn có nhiều rủi ro lớn và cần có các điều kiện ổn định về tài chính, pháp lý.
- Thuế tài nguyên tại Việt Nam thuộc các mức cao nhất trên thế giới (5-30%). Ngoài ra việc quy định khung thuế suất với phạm vi rộng gây khó khăn cho quá trình thực hiện.
- Các khoản phí mới dự định đưa vào Luật như phí-Phí bồi-Bồi thường tài-Tài nguyên cần được xem xét lại vì phí này đã bao gồm trong thuế tài nguyên.
- Các hạn chế xuất khẩu đưa ra không tính đến thực tế là hiện không có thị trường trong nước cho các sản phẩm khoáng sản.
- Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, mức thuế suất hiệu quả hiện tại của Việt Nam ở mức rất cao đã làm suy giảm nghiêm trọng tính cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam.

Ông Bill Howell, Tổng Giám đốc Công ty Triple Plate Junction

- Khung thời gian thăm dò trong dự thảo Luật là quá ngắn so sánh với các nước láng giềng là Lào và Thái Lan: Mỏ Sepon, Phu bia ở Lào, mỏ vàng ở Chati, Thái Lan đều cần khoảng thời gian từ 5-8 để thăm dò tìm ra nguồn trữ lượng. Tiếp theo là khoảng thời gian 6-10 cho nghiên cứu khả thi, phát triển mỏ. Như vậy tổng thời gian cần thiết cho thăm dò và phát triển một mỏ là từ 13-15 năm. Khoảng thời gian ăn-cần thiết 13-15 năm này là thời gian trung bình của hơn 10 mỏ được phát hiện tại Đông Nam Á. Nhiều mỏ giống-tương tự như Sepon, Phubia, Chati có thể tìm thấy ở Việt Nam nếu khung thời gian cho phép.

Ông Nguyễn Xuân Tường, Tổng Giám đốc Vàng Phước Sơn

- Cách sử dụng từ ngữ trong dự thảo Luật: cần kỹ càng hơn: Chế biến khoáng sản: “có giá trị kinh tế xã hội cao” nên thay bằng “có giá trị kinh tế”. Tổ chức cá nhân có trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Cần chỉ rõ tổ chức cá nhân nào? Tất cả các tổ chức cá nhân hay chỉ các tổ chức cá nhân hoạt động khoáng sản?
- Khái niệm “Độc quyền-quyền” và “đặc-Đặc quyền” ? cần định nghĩa rõ.
- Mỏ lớn không được phép phân chia ra làm các mỏ nhỏ, như vậy không thể tiến hành thăm dò mỏ trong thời gian 4 và gia hạn 2 năm cho 1-một mỏ quy mô lớn. Căn cứ vào quy mô mỏ lớn hay nhỏ mà cần khoảng thời gian thăm dò dài hay ngắn. Vì vậy nên quy định khoảng thời gian tối đa khoảng 8 năm thì sẽ thực tế hơn.
- Dự án thăm dò khoáng sản: Thực tế chi phí thăm dò do công ty thăm dò đầu tư vì vậy nhà nước chỉ đưa ra mức tối thiểu mà không nên giới hạn mức tối đa. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn phương pháp thăm dò hiệu quả nhất.
- Công ty thăm dò phải chứng minh tài chính tương đương 50% dự toán thăm dò: Quy định này không cần thiết. Mục đích của việc-quy định này là gì?
- Khoản thu phí-Phí đền-Đền bù tài-Tài nguyên là bất hợp lý vì phí này đã tính trong Tthuế Tài nguyên.

- Theo dự thảo Luật, các hoạt động khoáng sản chưa được nhìn nhận công bằng với các ngành khác trong khi ngành khai thác cũng góp phần tạo ra của cải, đóng góp cho phát triển kinh tế, xã hội. Cụ thể, mức ~~thuế~~-Thuế Tài nguyên hiện tại là quá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thuế ~~tài~~-Tài nguyên cao thực tế không đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn gây thiệt hại vì nhà đầu tư sẽ chỉ tập trung khai thác trữ lượng hàm lượng cao.

Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Tổng Giám đốc Công ty Vàng Bồng Miêu

- Dự thảo quy định Cơ quan nhà nước cấp tỉnh có thể cấp giấy thăm dò và khai thác trữ lượng phân tán, ~~xâm tán~~ quy mô nhỏ, lẻ. Tuy nhiên, ~~Nếu như~~ chưa tiến hành thăm dò thì khó có thể xác định điều này.
- Đơn giá thăm dò nhà nước quy định không thể áp dụng cho toàn bộ thời gian thăm dò. Quy định phê duyệt phương án thăm dò là quá cứng nhắc làm cho doanh nghiệp không thể chủ động trong thăm dò.
- Cấp giấy phép khai thác cho phần trữ lượng còn lại cho đơn vị khác? Như vậy nhà nước có đem trữ lượng đã thăm dò của ~~+~~một đơn vị cấp cho một đơn vị khác.
- Diện tích, ranh giới khai thác: Cần xác định rõ ranh giới cấp mỏ và ranh giới khu vực khai thác.

Ông Lê Văn Đễ, Trưởng Đại diện Công ty Takara Limited

- Trong dự thảo Luật đã gộp 2 giai đoạn tìm kiếm và thăm dò thành giai đoạn thăm dò nên thời gian thăm dò 4 năm và gia hạn 2 năm là quá ngắn. Hiện tại nhà nước yêu cầu lập đề án thăm dò rất chi tiết, cần xem xét lại vì mục tiêu của giai đoạn này chỉ là tìm kiếm và phát hiện tài nguyên, còn các nghiên cứu như nghiên cứu khả thi, môi trường đều thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu khả thi dựa trên nguồn tài nguyên tìm thấy. ~~Đối với các nước khác~~Theo thông lệ quốc tế hiện nay, giai đoạn nghiên cứu khả thi không tính trong giai đoạn thăm dò.
- Trong giai đoạn sau khi giấy phép thăm dò hết hạn và trước khi giấy phép khai thác được cấp, nhà nước cần quy định rõ quyền và trách nhiệm của công ty thăm dò đối với diện tích đã thăm dò.

Ông Steven Dudka, Trưởng Đại diện Công ty Arpechilago

- Chính phủ khi soạn thảo Luật KS mới cần trả lời câu hỏi về mục tiêu đặt ra khi ban hành Luật này. Nếu mục tiêu của Chính phủ là phát triển ngành khai khoáng-thác và tìm ra các mỏ mới thì Luật mới phải khuyến khích điều này. Các nhà đầu tư mong muốn nhận được những chính sách khuyến khích chứ không phải trừng phạt trong quá trình đầu tư. Việc nâng các loại thuế và thiếu sự đảm bảo về quyền đối với diện tích đã thăm dò không phải là những chính sách khuyến khích mà là hạn chế ~~nhà~~ đầu tư. Như tại Canada, ngành khai khoáng đã có đóng góp rất lớn cho phát triển KT-XH tại các vùng hẻo lánh còn hơn các vùng sâu ở Việt Nam. Một chương trình thiết thực mà chính phủ Canada đã làm là ưu đãi thuế cho ngành khai thác.

Ông Terry Bates, Giám đốc Điều hành Meritus Minerals

- Quy hoạch khoáng sản với chế biến sâu là mong muốn của nhiều quốc gia. Hoạt động khai thác có chế biến sâu là một tổ hợp phức tạp yêu cầu vốn và công nghệ cao và trữ lượng lớn từ khai thác, sản xuất tinh quặng đến tinh luyện. Hiện tại mức thuế xuất khẩu tinh quặng là rất cao với lập luận là để khuyến khích chế biến sâu. Mỏ với quy mô nhỏ và vừa thì không thể cung cấp đủ tinh quặng cho một nhà máy tinh luyện. Việc phát triển chế biến sâu phải có các điều kiện phát triển phù hợp: có đủ nguồn nguyên liệu và phát hiện nhiều nguồn trữ lượng lớn. Thay bằng việc ban hành các mức thuế cao, việc khuyến khích chế biến sâu có thể thông qua các chính sách thuế ưu đãi tạo điều kiện phát triển chế biến sâu.

III. PHẢN TRẢ LỜI VÀ KẾT LUẬN

Ông Phạm Ngọc Sơn, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, BTNMT

- Các ý kiến của các doanh nghiệp đều xuất phát từ thực tiễn ngành. ~~Một số ý kiến về các quy định dưới Luật được đưa ra.~~ Chính phủ chủ trương ban hành Luật mới vẫn nhằm khuyến khích đầu tư, và tăng cường quản lý nhà nước, tuy nhiên không phải khuyến khích mọi nhà đầu tư như năm 1996. Chỉ khuyến khích các nhà đầu tư thực sự có năng lực khai thác nguồn tài nguyên. Điều khó khăn khi ban hành luật phải khuyến khích được cả những doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp quy mô vừa. BST sẽ ghi nhận tất cả các ý kiến để tiếp tục nghiên cứu, phân tích kỹ lưỡng trước khi Luật được thông qua vào cuối năm nay.
 - Về diện tích thăm dò quá nhỏ: Dự thảo đã ~~Từ~~ thừa kế Luật 1996 và có điều chỉnh diện tích lớn hơn, trường hợp đặc biệt yêu cầu diện tích lớn hơn sẽ do Thủ tướng quyết định.
 - Về thời hạn thăm dò tối đa 6 năm có thể đủ cho các mỏ nhỏ nhưng không đủ cho các mỏ lớn. BST tiếp thu và nghiên cứu khả năng tăng thời gian tối đa hoặc cấp mới giấy phép thăm dò.
 - Trữ lượng còn lại cấp cho đơn vị khác: ~~Ch~~ Chủ trương của Luật mới là không cho chia cắt các mỏ khoáng sản có thể đầu tư quy mô lớn thành các mỏ quy mô nhỏ. Tuy nhiên, công ty thăm dò có thể tìm thấy nguồn trữ lượng vượt quá khả năng khai thác của họ, trong trường hợp này phần trữ lượng còn lại có thể cấp cho nhà đầu tư khác và họ phải trả chi phí đầu tư thăm dò cho công ty thăm dò. Đây là biện pháp tránh đầu cơ mỏ.
- **Các vấn đề về tài chính:**
 - Điều kiện năng lực tài chính: Nhằm ngăn chặn các tổ chức không có năng lực về tài chính tham gia đầu cơ mỏ. Các doanh nghiệp thật sự có năng lực sẽ không gặp khó khăn khi đáp ứng điều kiện này.
 - Phí ~~đền~~ Đền bù ~~T~~ tài nguyên: Các tài sản khác có thể tái tạo nhưng khoáng sản thì không tái tạo. Phí ~~đền~~ Đền bù ~~T~~ tài nguyên chủ yếu sử dụng cho phát triển địa phương nơi mỏ khai thác.

- Đấu thầu: Đây là đấu thầu quyền thăm dò và quyền khai thác chứ không phải đấu thầu nguồn tài nguyên. Mục đích là chọn ra nhà đầu tư có đủ năng lực và trách nhiệm khi cùng lúc có nhiều nhà đầu tư muốn thăm dò khai thác cùng một mỏ.
- Dự toán thăm dò theo đơn giá nhà nước: nhằm mục đích quản lý nhà nước và tính chi phí thăm dò cho các trường hợp chuyển nhượng các nguồn tài nguyên.
- Đề án thăm dò cần được thẩm định về phương pháp để không bỏ sót tài nguyên khoáng sản trong khu vực.

Ý kiến kết luận của Ông Lê Quốc Dung, Phó Chủ nhiệm UBKT của Quốc hội

- Hoan nghênh các ý kiến đóng góp thiết thực của các đại biểu về các vấn đề, các điều khoản cụ thể của Luật. Trong Dự thảo 5 đã có nhiều nội dung thể hiện các ý kiến đóng góp đã nêu. UBKT sẽ tiếp tục nghiên cứu các ý kiến về thời hạn, diện tích, thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản.
- Thẩm quyền quản lý khoáng sản giữa các Bộ: BTNMT sẽ lập quy hoạch chiến lược phát triển khoáng sản riêng, độc lập với quy hoạch do Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng. BTNMT là cơ quan chủ trì cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản trừ vật liệu xây dựng. Các tỉnh có thẩm quyền cấp phép các mỏ khai thác vật liệu xây dựng.
- Dự thảo Luật 5 đã được soạn thảo rất chi tiết nhằm khuyến khích một số khu vực nhưng hạn chế một số khu vực khác. Quá trình soạn thảo trên tinh thần công khai, minh bạch.
- Chúng tôi hoan nghênh và sẽ nghiên cứu các ý kiến đóng góp và mong tiếp tục nhận được các ý kiến đóng góp của các Quý vị.

Phụ lục 1- Danh sách đại biểu

TT	Họ và tên	Chức vụ	
(1)	Thường trực Ủy ban Kinh tế		
1.	<u>Ông Lê Quốc Dung</u>	<u>Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế</u>	
1.	<u>Ông Vũ Việt Ngoạn</u>	<u>Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế</u>	
2.	<u>Ông Nguyễn Văn Phúc</u>	<u>Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế</u>	
3.	<u>Ông Vũ Việt Ngoạn</u>	<u>Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế</u>	
2.	<u>Ông Nguyễn Văn Phúc</u>	<u>Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế</u>	
3.	<u>Ông Lê Quốc Dung</u>	<u>Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế</u>	
(2)	Vụ Kinh tế- Văn phòng Quốc hội		
1.	Ông Đặng Thế Vinh	Vụ trưởng Vụ Kinh tế	
2.	Ông Nguyễn Kim Tu	Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế	
3.	Ông Nguyễn Đình Việt	Chuyên viên	
4.	Ông Nguyễn Minh Hồng	Chuyên viên chính	
5.	Ông Lê Văn Bình	Chuyên viên	
6.	Ông Trần Vũ Thanh	Chuyên viên	
7.	Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ	Chuyên viên	
(3)	Đại diện Ban soạn thảo (Bộ Tài nguyên và Môi trường)		
1.	Ông Phạm Ngọc Sơn	Vụ trưởng Vụ Pháp chế	
2.	Ông Lại Hồng Thanh	Phó Chánh Văn phòng Bộ	
(4)	Nhóm Công tác Khoáng sản – Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF)		
1.	Rob Guest	Tổng Giám đốc	Công ty mỏ Nickel Bản Phúc
2.	Trần Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	Công ty mỏ Nickel Bản Phúc
3.	Bill Howell	Giám đốc Khai thác	Công ty Triple Plate Junction
4.	Lê Văn Đễ	Đại diện	Công ty Takara
5.	Steve Dukda	Tổng Giám đốc	Công ty Archipelogo
6.	Nguyễn Xuân Tường	Tổng Giám đốc	Công ty Vàng Phước Sơn
7.	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Công ty Vàng Bồng Miêu
8.	Terry Bates	Giám đốc Điều hành	Công ty Meritus Minerals
9.	Trần Quỳnh Hoa	Giám đốc Phát triển Kinh doanh	Đại sứ quán Úc – Thương vụ Úc
10.	Fraser Matt	Cố vấn Thương mại	Đại sứ quán Canada
11.	Phạm Liên Anh	Điều phối viên	Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam